

Số <sup>\*</sup>134<sup>u</sup> -/QĐ/TCTTC

Nam Định, ngày 05 tháng 06 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**về công bố công khai bổ sung ngân sách nhà nước năm 2022**  
**của Trường Chính trị Trường Chính**

-----

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NAM ĐỊNH**

Căn cứ Quy định số 1119-QĐ/TU, ngày 06/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường Chính trị Trường Chính tỉnh Nam Định;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 9989/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố số liệu công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Trường Chính trị Trường Chính (theo biểu đính kèm);

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu và các phòng, khoa thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Website của trường (để công khai),
- Lưu: VT, TCHCTTTL.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Đình Trung**



Đơn vị: Trường Chính trị Trường Chinh  
Chương: 599

Biểu số 02

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 134<sup>a</sup>/QĐ-TCTTC ngày 05/06/2022 của Trường Chính trị Trường Chinh  
ĐV tính: tr đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán được giao |
|-------|---------------------------------------------|-------------------|
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                   |
| II    | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 60                |
| 1     | Chi sự nghiệp                               | 60                |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (L340-341) |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      | 60                |
|       | Sự nghiệp đào tạo 085                       | 60                |